TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chánh Bổn và bà Nguyễn Thị Liệu

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1993

Địa chỉ: C, tổ H, ấp I, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: sô 335, xóm I, thôn P, TT P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: C, tổ H, ấp I, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Trại cai nghiện số 01. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

(Chị H, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2024, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Đ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-6-2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chị H và anh T đã không

còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T

Về con: Theo chị H, chị và anh T có 02 người con chung Trần Lê Tuấn A, sinh ngày 22/5/2013 và Trần Lê V, sinh ngày 30/9/2011. Khi ly hôn chị H tự nguyện giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo chị H, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị H đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại Bản tự khai và Biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2024 bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã G, huyện Đ vào ngày 15-6-2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn không giải quyết được nên anh T và chị H không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 người con chung Trần Lê Tuấn A, sinh ngày 22/5/2013 và Trần Lê V, sinh ngày 30/9/2011, hiện nay các con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Tú xác định, vợ chồng không có nợ chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Trần Thanh T. Về con: Đề nghị giao các con chung Trần Lê Tuấn A, sinh ngày 22/5/2013 và Trần Lê V, sinh ngày 30/9/2011 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Trần Thanh T, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Thanh T có nơi cư trú tại: khu H, ấp I, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T xác lập ngày 15-6-2011 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã G, huyện Đ, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15-6-2011. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Trên cơ sở lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị H và anh T đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị H và anh T có 02 (Hai) người con là Trần Lê Tuấn A, sinh ngày 22/5/2013 và Trần Lê V, sinh ngày 30/9/2011. Khi ly hôn, chị H tự nguyên giao các con chung cho anh T nuôi dưỡng được anh T đồng ý. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung mong muốn sống cùng ba. Anh Tú không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ H, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trần Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con: Giao các con chung Trần Lê Tuấn A, sinh ngày 22/5/2013 và Trần Lê V, sinh ngày 30/9/2011 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Lê Thị Mỹ H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014160 ngày 27-02-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, chị H đã nộp đủ án phí

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Canh (GCNKH số 101/2011, ngày 15-6-2011) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường